|  |  |
| --- | --- |
| QUỐC HỘI KHÓA XV  **ỦY BAN TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH**  Số: 2359/BC-UBTCNS15 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024* |

**BÁO CÁO Một số vấn đề lớn trong giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)**

*(Trình Hội nghị ĐBQH hoạt động chuyên trách lần thứ 6)*

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội,

Tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV, các vị đại biểu Quốc hội (ĐBQH) đã thảo luận tại Tổ, tại Hội trường về dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) (sửa đổi). Thực hiện nhiệm vụ được giao, trên cơ sở tổng hợp ý kiến thảo luận của các vị ĐBQH, Thường trực Ủy ban Tài chính, Ngân sách (TCNS) đã phối hợp chặt chẽ với Cơ quan soạn thảo (Bộ Tài chính) và các cơ quan liên quan để nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) xem xét, cho ý kiến về một số nội dung liên quan đến định hướng giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật tại phiên họp chuyên đề pháp luật T8/2024 của UBTVQH[[1]](#footnote-1).

Trên cơ sở ý kiến kết luận của UBTVQH tại Thông báo kết luận số 4157/TB-TTKQH ngày 19/8/2024 của Tổng Thư ký Quốc hội, Thường trực Ủy ban TCNS đã chủ trì, phối hợp với Cơ quan soạn thảo, Thường trực Ủy ban Pháp luật và một số cơ quan liên quan tiếp tục rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện nội dung dự thảo Luật. Tuy nhiên, đến nay, Thường trực Ủy ban TCNS chưa nhận được ý kiến chính thức của Cơ quan soạn thảo về các nội dung này[[2]](#footnote-2). Các nội dung được thể hiện trong Báo cáo của Thường trực Ủy ban TCNS về cơ bản là các nội dung được trao đổi, thống nhất tại các cuộc làm việc giữa Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo[[3]](#footnote-3). Dự thảo Luật sau khi tiếp thu, chỉnh lý gồm 4 chương và 18 điều. Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo các vị ĐBQH một số vấn đề lớn trong giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thuế GTGT (sửa đổi) để các vị ĐBQH hoạt động chuyên trách thảo luận, cho ý kiến, cụ thể như sau:

**1. Về đối tượng không chịu thuế (Điều 5)**

***1.1. Về các trường hợp không phải nộp thuế GTGT đầu ra nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào***

*Có ý kiến đề nghị bỏ quy định cho phép không nộp thuế GTGT đầu ra nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào tại khoản 1 Điều 5[[4]](#footnote-4).*

Luật Thuế GTGT năm 2008 quy định hàng nông sản chưa chế biến là đối tượng không chịu thuế GTGT ở khâu sản xuất bán ra; bắt đầu từ khâu thương mại, các sản phẩm này sẽ chịu thuế GTGT với thuế suất 5% đồng thời được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Tuy nhiên, từ năm 2013, khi bắt đầu áp dụng chế độ doanh nghiệp tự tạo hoá đơn, một số doanh nghiệp đã trục lợi bằng cách mua nông sản của nông dân (không có thuế), sau đó mua hoá đơn khống có thuế GTGT 5% để hợp thức đầu vào, thực hiện qua nhiều khâu thương mại trung gian trước khi bán cho cơ sở xuất khẩu để cơ sở này kê khai hoàn thuế. Để khắc phục tình trạng này, Thông tư số 219/2013/TT-BTC và Luật số 106/2016/QH14 đã quy định các doanh nghiệp thương mại không phải nộp thuế GTGT đầu ra ở khâu thương mại nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào để tránh các doanh nghiệp khi xuất khẩu có thể gian lận hoàn khống số thuế GTGT đầu vào của hàng nông sản chưa chế biến.

Dự thảo Luật trình tại Kỳ họp thứ 7 tiếp tục giữ quy định này của Luật hiện hành, điều này một mặt vi phạm nguyên tắc của thuế GTGT (chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào trong trường hợp đầu ra là sản phẩm chịu thuế GTGT), mặt khác đã làm mất số thu của các địa phương có sản lượng nông nghiệp lớn; chính sách này có thể là cần thiết trong giai đoạn các doanh nghiệp sử dụng hoá đơn giấy tự tạo, nhưng đến giai đoạn hiện nay đã không còn phù hợp và cần thiết vì các doanh nghiệp đã chuyển sang áp dụng hoá đơn điện tử được nối mạng trực tiếp để cơ quan thuế có thể cập nhật các hoá đơn được doanh nghiệp phát hành, theo dõi tình hình thu nộp ngân sách, phục vụ việc kiểm soát và khắc phục tình trạng gian lận hoá đơn. Đồng thời, khoản 9 Điều 15 dự thảo Luật (về điều kiện để được hoàn thuế) đã bổ sung quy định *trường hợp hàng hoá chưa được người bán kê khai nộp thuế GTGT thì cơ sở kinh doanh không được hoàn*. Như vậy, trong trường hợp thuế GTGT được áp dụng ở khâu thương mại thì khi bán hàng cho doanh nghiệp xuất khẩu, đơn vị bán hàng sẽ phải xuất hoá đơn thuế GTGT và nộp thuế; Cơ quan thuế kiểm tra thấy bên bán đã nộp thuế GTGT thì doanh nghiệp xuất khẩu mới đủ điều kiện được hoàn đối với số thuế đầu vào này. Ngoài ra, Cơ quan soạn thảo khi ban hành các văn bản hướng dẫn, có thể nghiên cứu bổ sung các tài liệu kèm theo Tờ khai thuế, bao gồm cả bảng kê hoá đơn đầu vào để tạo thuận lợi cho công tác quản lý, chống gian lận hoàn thuế GTGT. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS đề nghị bỏ quy định này tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Luật. Quy định này cũng sẽ tạo điều kiện cho các địa phương sản xuất hàng nông sản lớn (ví dụ các tỉnh phía Nam) tăng thêm số thu.

Về nội dung này, tại phiên họp chuyên đề pháp luật T8/2024, UBTVQH đã kết luận theo hướng *“yêu cầu bảo đảm nguyên tắc chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào trong trường hợp đầu ra là sản phẩm chịu thuế GTGT”*.

Hiện Cơ quan soạn thảo vẫn tiếp tục đề nghị áp dụng quy định cho phép không phải nộp thuế đầu ra nhưng được khấu trừ thuế đầu vào đối với sản phẩm là hàng nông sản chưa chế biến (như thể hiện trong dự thảo Luật trình tại Kỳ họp thứ 7) vì cho rằng, quy định này đã phát huy tác dụng trong khắc phục tình trạng gian lận hoàn thuế giai đoạn vừa qua và hiện tại với hệ thống hoá đơn điện tử, cơ quan thuế vẫn khó có thể xác minh việc nộp thuế GTGT qua các khâu thương mại.

Đa số ý kiến trong Thường trực Ủy ban TCNS tiếp tục đề nghị bỏ quy định này tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Luật như ý kiến kết luận của UBTVQH tại phiên họp chuyên đề pháp luật T8/2024. Theo đó, hàng nông sản chưa chế biến chỉ không chịu thuế GTGT ở khâu sản xuất và nhập khẩu, từ khâu thương mại sẽ chịu thuế GTGT 5%.

***1.2. Về mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT***

*Một số ý kiến đề nghị quy định cụ thể trong Luật mức ngưỡng doanh thu không chịu thuế GTGT, không giao Chính phủ quy định. Có ý kiến đề nghị quy định mức ngưỡng doanh thu trong Luật và giao UBTVQH thẩm quyền điều chỉnh hoặc giao Chính phủ quy định cụ thể.*

Thường trực Ủy ban TCNS cho rằng, việc sửa đổi, điều chỉnh quy định về ngưỡng doanh thu hàng năm thuộc diện không chịu thuế GTGT là cần thiết và cần được quy định cụ thể trong Luật nhằm xác lập căn cứ pháp lý rõ ràng, minh bạch và bảo đảm phù hợp, tuân thủ quy định của Hiến pháp là *“các khoản thu, chi ngân sách nhà nước phải được dự toán và do luật định”*[[5]](#footnote-5). Luật Thuế GTGT số 31/2013/QH13 cũng đang quy định cụ thể mức doanh thu không chịu thuế GTGT (100 triệu đồng/năm). Mức doanh thu 100 triệu đồng/năm nếu được tính theo tỷ lệ tăng GDP và CPI bình quân từ năm 2013 đến nay thì sẽ là 285 triệu đồng. Theo số liệu tính toán của Bộ Tài chính, nếu xây dựng mức doanh thu không chịu thuế là **200 triệu đồng/năm** thì số lượng hộ, cá nhân kinh doanh thuộc diện nộp thuế sẽ giảm 620.653 hộ, số thu NSNN sẽ giảm khoảng **2.630 tỷ đồng**; nếu mức doanh thu không chịu thuế là **300 triệu đồng/năm** thì số lượng hộ, cá nhân kinh doanh thuộc diện nộp thuế sẽ giảm 734.735 hộ, số thu NSNN sẽ giảm khoảng **6.383 tỷ đồng**.

Tại phiên họp chuyên đề pháp luật T8/2024, UBTVQH đã kết luận theo hướng *“các cơ quan thống nhất mức ngưỡng cụ thể quy định trong Luật, phù hợp tình hình kinh tế - xã hội và giao UBTVQH thẩm quyền điều chỉnh phù hợp với từng thời kỳ”*.

Tiếp thu ý kiến UBTVQH, đa số ý kiến trong Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất chỉnh lý và quy định tại khoản 25 Điều 5 dự thảo Luật nội dung: *Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ* ***hai trăm triệu*** *đồng trở xuống, trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh gần nhất thì Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức doanh thu tại khoản này phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ*.

***1.3. Về miễn thuế xuất nhập khẩu và miễn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu có giá trị nhỏ***

*Nhiều ý kiến đề nghị phải bảo đảm việc thu thuế đối với hàng hóa nhập khẩu có giá trị nhỏ.*

Luật hiện hành và dự thảo Luật không quy định việc miễn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu có giá trị nhỏ. Việc miễn thuế đối với các hàng hóa này hiện được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 78/2010/QĐ-TTg, điều này đã ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác thu thuế GTGT, đặc biệt là đối với các giao dịch mua bán hàng hoá trên thông qua các nền tảng số và sàn giao dịch thương mại điện tử [[6]](#footnote-6). Vì vậy, tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Ủy ban TCNS đề nghị Cơ quan soạn thảo khi ban hành Nghị định về quản lý hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử bảo đảm chấm dứt hiệu lực của quy định miễn thuế GTGT hàng nhập khẩu giá trị nhỏ tại Quyết định số 78/2010/QĐ-TTg để có thể mở rộng và bao quát nguồn thu, phù hợp với thông lệ quốc tế. Điều này sẽ làm tăng số thu về thuế GTGT từ các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử đối với hàng hoá.

**2. Về thuế suất (Điều 9)**

***2.1. Về thuế suất 0%***

*2.1.1. Đối với hàng hoá xuất khẩu*

Theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế GTGT, hàng hoá xuất khẩu được hưởng thuế suất 0% bao gồm: (i) Hàng hoá thực xuất khẩu ra nước ngoài; (ii) Hàng hoá bán vào khu phi thuế quan, chủ yếu là đầu vào của các doanh nghiệp chế xuất (được mua bán giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan), vì vậy loại trừ một số sản phẩm mang tính phục vụ cho tiêu dùng cá nhân, xăng dầu, ô tô; (iii) Hàng hoá bán tại khu vực, cửa hàng miễn thuế (tại sân bay,…); (iv) Hàng hoá cung cấp cho khách hàng nước ngoài **khác** theo quy định của Chính phủ; (v) Công trình xây dựng trong khu phi thuế quan, xây dựng tại nước ngoài (ví dụ tại Lào).

*Có ý kiến đề nghị quy định rõ trong Luật nhóm hàng hoá cung cấp cho khách hàng nước ngoài* ***khác*** *và không giao Chính phủ quy định.*

Về nội dung này, Thường trực Uỷ ban TCNS xin báo cáo như sau:

Nghị định số 209/2013/NĐ-CP (hướng dẫn Luật Thuế GTGT) và Nghị định số 08/2015/ NĐ-CP (hướng dẫn về thủ tục hải quan) hiện đang quy định *“hàng hoá* ***khác****”* bao gồm các trường hợp chính như sau: *(a) Phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; (b) Hàng hóa đặt gia công tại Việt Nam và được tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt gia công bán cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam để tiếp tục gia công (c) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.*

Với nguyên tắc của thuế GTGT là chỉ có hàng hoá thực tế xuất khẩu (hoặc ít nhất là sẽ được xuất khẩu) ra khỏi Việt Nam thì mới được hưởng thuế suất 0%, theo đó, các hàng hoá nhóm (a) và (b) nêu trên, gồm phụ tùng vật tư để sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cho bên nước ngoài và sẽ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam và nhóm hàng gia công chuyển tiếp (**phải bảo đảm sẽ được được xuất khẩu**) có thể được xem là hàng hoá thực chất sẽ xuất khẩu. Đối với các trường hợp của nhóm (c), mặc dù doanh nghiệp của Việt Nam có hợp đồng mua bán với bên nước ngoài (không có hiện diện tại Việt Nam) song cuối cùng thì số hàng này lại được giao nhận với một doanh nghiệp khác tại Việt Nam, như vậy, về bản chất, số hàng này không được xuất khẩu ra khỏi Việt Nam nên **không thể** được đối xử như là hàng hoá xuất khẩu để hưởng thuế suất 0%.

Vì vậy, để bảo đảm nguyên tắc của thuế GTGT là chỉ áp dụng thuế suất 0% đối với các trường hợp thực tế có xuất khẩu và để bảo đảm sự rõ ràng, tạo thuận lợi cho việc áp dụng Luật, Thường trực Uỷ ban TCNS đề nghị tiếp thu ý kiến ĐBQH, hoàn thiện dự thảo Luật theo hướng: (i) Quy định cụ thể trong Luật một số nội dung đang được quy định tại các Nghị định và đã được áp dụng ổn định, đồng thời, quy định rõ yêu cầu hàng hóa phải được xuất khẩu để bảo đảm sự rõ ràng, chặt chẽ trong thực hiện; cụ thể, thuộc nhóm này sẽ bao gồm: *“hàng hóa gia công chuyển tiếp* ***để xuất khẩu*** *theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động mua, bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công hàng hóa với nước ngoài; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam”*; (ii) Thu hẹp diện để không áp dụng thuế suất 0% đối với trường hợp *hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam* vì trên thực tế hàng hoá trong trường hợp này không được xuất khẩu ra khỏi Việt Nam, việc thực hiện quy định này thời gian qua đã cho thấy nhiều bất cập[[7]](#footnote-7). Dự thảo Nghị định của Chính phủ trình kèm hồ sơ dự án Luật cũng đang dự kiến không áp dụng thuế suất 0% với trường hợp nêu trên.

Cơ quan soạn thảo đề nghị nội dung này giao Chính phủ quy định như dự thảo Luật đã trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 để bảo đảm sự linh hoạt cho Chính phủ.

*2.1.2. Đối với dịch vụ xuất khẩu*

Pháp luật hiện hành về thuế GTGT quy định dịch vụ xuất khẩu được hưởng thuế suất 0% là các dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ, trừ một số loại hình dịch vụ như dịch vụ tài chính, chuyển nhượng vốn, bưu chính, viễn thông, chuyển giao công nghệ. Dự thảo Luật sửa đổi nội dung này theo hướng dịch vụ xuất khẩu được hưởng thuế suất 0% chỉ bao gồm chủ yếu là các dịch vụ trong lĩnh vực vận tải quốc tế để khắc phục khó khăn trong việc xác định nơi tiêu dùng dịch vụ. Với nội dung sửa đổi này, toàn bộ các dịch vụ cung ứng cho các doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, doanh nghiệp chế xuất sẽ không được áp dụng cơ chế thuế suất 0%.

*Có ý kiến đề nghị đánh giá kỹ tác động đến môi trường đầu tư, tác động đến chi phí của doanh nghiệp vì dự thảo Luật đã quy định nhiều dịch vụ không được hưởng thuế suất 0% như hiện hành; một số hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nhất là các doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, doanh nghiệp chế xuất không đồng tình với nội dung dự thảo Luật do các đối tượng này sẽ phải chịu thuế GTGT trong khi không được áp dụng cơ chế hoàn/khấu trừ thuế đầu vào.*

*Một số ý kiến đề nghị bổ sung vào diện áp dụng thuế suất 0% đối với: dịch vụ văn hoá giải trí, chuyển quyền sử dụng, quyền tác giả,… để sử dụng ngoài lãnh thổ Việt Nam; các hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho tổ chức nước ngoài sản xuất phim sử dụng bối cảnh quay phim tại Việt Nam, các dịch vụ sản xuất phim do tổ chức của Việt Nam cung cấp cho phía nước ngoài; một số ý kiến đề nghị áp dụng thuế suất 0% đối với các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ phần mềm, sản phẩm cung cấp trên nền tảng số khi xuất khẩu.*

Về nội dung này, Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau:

So với quy định hiện hành, dự thảo Luật đã thu hẹp, không cho phép áp dụng thuế suất 0% đối với toàn bộ các dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, doanh nghiệp chế xuất và một số các loại hình dịch vụ xuất khẩu khác. Về nguyên tắc, dịch vụ cung ứng cho doanh nghiệp chế xuất không thể coi là dịch vụ xuất khẩu vì được tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, nếu đánh thuế GTGT với các dịch vụ này thì các doanh nghiệp chế xuất cần có cơ chế hoàn thuế/ khấu trừ thuế GTGT đầu vào (bao gồm cả hàng hoá và dịch vụ đầu vào) khi xuất khẩu hoặc bán sản phẩm vào thị trường trong nước. Tuy nhiên, trong dự thảo Luật không có quy định cho phép các doanh nghiệp chế xuất được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đầu vào. Kể cả trong trường hợp cơ chế hoàn hoặc khấu trừ thuế đầu vào được quy định bổ sung vào dự thảo Luật cho các doanh nghiệp chế xuất thì cũng sẽ tạo ra gánh nặng lớn về thủ tục kê khai hoàn thuế và chi phí về dòng tiền nộp thuế GTGT phát sinh cho các doanh nghiệp nếu việc hoàn thuế không được thực hiện nhanh chóng. Với những hạn chế trong công tác hoàn thuế GTGT trên thực tế hiện nay, chính sách này cần được cân nhắc thấu đáo và đánh giá đầy đủ các tác động liên quan. Do chưa lường hết các tác động của chính sách, Cơ quan soạn thảo đã thống nhất với Thường trực Ủy ban TCNS tiếp thu ý kiến ĐBQH theo hướng chưa sửa nội dung này mà giữ như quy định hiện hành, tiếp tục áp dụng thuế suất 0% đối với các dịch vụ cung ứng cho các doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, doanh nghiệp chế xuất. Đồng thời, bổ sung quy định các dịch vụ này phải bảo đảm là các dịch vụ *phục vụ trực tiếp cho sản xuất hàng xuất khẩu* và không bao gồm dịch vụ cho cá nhân hoặc không liên quan đến hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu.

Theo hướng này, dự thảo Luật cũng được giữ như quy định hiện hành đối với các loại hình dịch vụ xuất khẩu khác, đồng thời bổ sung nội dung để bảo đảm đúng nguyên tắc, chuẩn mực của thuế GTGT và chặt chẽ trong áp dụng Luật. Theo đó, các dịch vụ xuất khẩu phải bảo đảm là được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, bao gồm cả các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ phần mềm, các sản phẩm cung cấp trên nền tảng số; các văn bản dưới luật sẽ quy định chi tiết về việc xác định địa điểm tiêu dùng phù hợp với bản chất của các hoạt động, giao dịch cụ thể. Nội dung tiếp thu, chỉnh lý được thể hiện cụ thể tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật và được kết cấu lại để các quy định được thể hiện rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, tạo thuận lợi cho thực hiện.

Riêng đối với các sản phẩm (có chứa nội dung số) được cung cấp trên nền tảng số, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo còn ý kiến khác nhau (được thể hiện theo 2 phương án tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật), cụ thể:

- Thường trực Ủy ban TCNS cho rằng, quy định của Luật hiện hành đang cho phép các sản phẩm thuộc loại này khi xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% và đây cũng là những lĩnh vực mà trong nước có thể xuất khẩu và cần được khuyến khích, vì vậy, đề nghị tiếp tục áp dụng thuế suất 0% khi xuất khẩu như quy định hiện hành.

- Cơ quan soạn thảo đề nghị loại trừ, không áp dụng thuế suất 0% đối với *“các sản phẩm có nội dung thông tin số thuộc nhóm giải trí”* -như phim, ảnh, trò chơi, quảng cáo được cung cấp trên mạng ra quốc tế, khi xuất khẩu.

***2.2. Về mức thuế suất 5%***

*Nhiều ý kiến tán thành việc chuyển phân bón, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp, tàu khai thác thủy sản từ diện không chịu thuế sang diện chịu thuế suất 5%. Tuy nhiên, nhiều ý đề nghị giữ như quy định hiện hành và đề nghị đánh giá kỹ tác động của việc thay đổi chính sách từ góc độ ngành sản xuất cũng như từ góc độ tác động đối với người tiêu dùng. Ý kiến khác đề nghị quy định phân bón thuộc đối tượng chịu thuế suất 0% hoặc 2% và được khấu trừ thuế GTGT đầu vào hoặc đề nghị tăng thuế đối với những mặt hàng này theo lộ trình.*

Về nội dung này, hiện vẫn còn 2 luồng quan điểm (được thể hiện theo 2 phương án tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật):

***Quan điểm thứ nhất*** đề nghị giữ phân bón, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp, tàu khai thác thủy sản thuộc diện không chịu thuế GTGT như quy định hiện hành với những lý do, lập luận như sau:

Thuế GTGT là thuế gián thu, người chịu thuế GTGT là người tiêu dùng cuối cùng. Việc chuyển phân bón sang chịu thuế suất 5% làm người nông dân phải chịu tác động lớn do giá phân bón sẽ tăng khi có thuế GTGT, dẫn đến tăng giá thành sản phẩm nông nghiệp. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, Luật hiện hành quy định phân bón không chịu thuế GTGT nên giai đoạn 2015-2022 các doanh nghiệp sản xuất phân bón không được khấu trừ khoảng 1,5 nghìn tỷ đồng thuế GTGT đầu vào. Nếu áp dụng thuế 5% với phân bón thì thuế GTGT đầu ra là khoảng 5,7 nghìn tỷ đồng, sau khi bù trừ thuế GTGT đầu vào khoảng 1,5 nghìn tỷ, ngân sách sẽ thu thêm khoảng 4,2 nghìn tỷ đồng. Như vậy, nếu thu thuế GTGT 5% đối với phân bón thì tác động với 03 chủ thể là Nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân như sau: (1) Nhà nước sẽ tăng thu ngân sách 4,2 nghìn tỷ đồng.(2) Doanh nghiệp sản xuất phân bón sẽ được khấu trừ 1,5 nghìn tỷ đồng thuế đầu vào, từ đó có điều kiện để hạ giá thành sản phẩm tương ứng số thuế GTGT được khấu trừ, tăng khả năng cạnh tranh với phân bón nhập khẩu, bảo đảm tính công bằng trong thực hiện chính sách thuế GTGT giữa phân bón nhập khẩu và phân bón sản xuất trong nước. (3) Người nông dân sẽ phải mua phân bón với giá tăng thêm tối thiểu 4,2 nghìn tỷ đồng nếu doanh nghiệp hạ giá bán sản phẩm tương ứng với toàn bộ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Các sản phẩm nông nghiệp không chịu thuế GTGT ở khâu sản xuất bán ra, vì vậy, toàn bộ 4,2 nghìn tỷ đồng thuế GTGT đầu vào của phân bón sẽ không được khấu trừ, làm tăng giá thành nông sản, tăng chi phí đầu vào của sản xuất nông nghiệp, dẫn đến khó khăn trong tiêu thụ và ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân. Như vậy, nếu áp dụng thuế GTGT 5% đối với phân bón thì Nhà nước được lợi, doanh nghiệp được lợi còn người nông dân thì chịu thiệt. Vì vậy, cần thiết giữ mặt hàng phân bón thuộc diện không chịu thuế GTGT như quy định hiện hành để bảo đảm khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương.

Tương tự đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp, tàu khai thác thủy sản,nếu áp dụng thuế GTGT 5% thì Nhà nước sẽ tăng thu ngân sách, doanh nghiệp được lợi và người nông dân, ngư dân cũng sẽ bị thiệt do làm tăng chi phí đầu vào đối với sản xuất nông nghiệp và khai thác thủy sản. Do đó đề nghị giữ quy định hiện hành đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp, tàu khai thác thủy sản thuộc diện không chịu thuế GTGT.

***Quan điểm thứ hai*** thống nhất với Cơ quan soạn thảo, chuyển nhóm ngành hàng này vào diện chịu thuế GTGT 5% với những lý do, lập luận như sau:

Thuế GTGT đối với nhóm mặt hàng *phân bón, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp* được sửa đổi từ năm 2014 (tại Luật Thuế GTGT số 71/2014/QH13), chuyển từ diện đang chịu thuế suất 5% sang diện không chịu thuế. Tuy nhiên, việc sửa đổi chính sách vào thời điểm đó chưa tính hết các tác động bất lợi cho toàn bộ ngành sản xuất trong nước[[8]](#footnote-8), cụ thể: (i) Giá thành sản phẩm phân bón sản xuất trong nước tăng do toàn bộ số thuế GTGT đầu vào của các doanh nghiệp không được khấu trừ đã phải hạch toán vào giá thành (bao gồm cả các chi phí về đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất)[[9]](#footnote-9); (ii) Bất lợi trong cạnh tranh với phân bón nhập khẩu do phân bón nhập khẩu đang áp dụng thuế GTGT 5% được chuyển sang không chịu thuế, trong khi được hoàn toàn bộ thuế GTGT đầu vào.

Phân bón là đầu vào thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp và cũng chịu nhiều tác động của cung cầu trên thị trường thế giới. Các quy định về thuế GTGT thời gian qua đã có tác động lớn đến sự phát triển của ngành sản xuất phân bón trong nước. Theo báo cáo của Hiệp hội phân bón, trong giai đoạn 2011-2014, nhiều dự án sản xuất phân bón đã được đầu tư và đi vào hoạt động nhằm hạn chế sự phụ thuộc vào phân bón nhập khẩu, tạo điều kiện cho mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực quốc gia[[10]](#footnote-10). Trong giai đoạn này, phân bón chịu thuế suất thuế GTGT 5%, các doanh nghiệp được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và có giá trị sản xuất theo giá thực tế và lợi nhuận đạt mức khá, tăng trưởng cao, làm giảm sản lượng phân bón nhập khẩu. Sang giai đoạn 2015-2020, trong tình trạng chung của ngành phân bón thế giới là cung vượt cầu, giá trên thị trường thế giới giảm mạnh, trong nước lại có sự thay đổi bất lợi về chính sách thuế GTGT đã làm giá thành phân bón sản xuất trong nước không thể cạnh tranh với giá thành nhập khẩu, các doanh nghiệp trong nước đã phải thu hẹp quy mô sản lượng, đều có mức tăng trưởng âm, một số đơn vị lỗ trầm trọng, có nguy cơ phá sản[[11]](#footnote-11).

Từ năm 2021 đến nay, do tác động của đại dịch COVID-19 và xung đột Nga - Ucraina, đặc biệt vào năm 2022, các nước hạn chế xuất khẩu, thị trường thế giới khan hiếm nguồn cung đã làm giá phân bón thế giới tăng đột biến. Các nhà máy sản xuất trong nước đã bảo đảm việc cung cấp phân bón cho thị trường với giá thấp hơn phân bón nhập khẩu, góp phần bình ổn giá trong nước. Sản lượng tiêu thụ tăng trong những năm gần đây đã giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả, một số đã phục hồi, sản xuất ổn định và có lãi. Hiện năng lực sản xuất nhiều loại phân bón trong nước đã dư thừa công suất, đủ cung cấp cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, cuối năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, sản xuất phân bón thế giới đã dần phục hồi, phân bón nhập khẩu đã dần tăng mạnh trở lại, cạnh tranh với sản phẩm phân bón trong nước. Trong bối cảnh này, nếu không xử lý những bất cập trong chính sách đối với ngành sản xuất phân bón trong hơn 10 năm qua, ngành sản xuất này lại đứng trước rủi ro bị quay lại tình trạng suy giảm, khó cạnh tranh với phân bón nhập khẩu và ngừng sản xuất như giai đoạn 2015-2020. Về lâu dài, sự phụ thuộc vào phân bón nhập khẩu có thể làm ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển nền nông nghiệp bền vững và an ninh lương thực quốc gia.

Việc chuyển phân bón sang áp dụng thuế suất 5% sẽ có những tác động nhất định đến đến giá bán trên thị trường. Việc áp dụng thuế suất GTGT 5% sẽ tác động **tăng** **giá thành** *phân bón nhập khẩu* (hiện chỉ chiếm 26,7% thị phần); đồng thời, làm **giảm giá thành** *phân bón sản xuất trong nước* (hiện đang chiếm 73,% thị phần) vì toàn bộ thuế GTGT đầu vào của sản xuất sẽ không phải hạch toán vào chi phí mà được khấu trừ vào thuế đầu ra; các doanh nghiệp sản xuất phân bón sẽ được hoàn thuế do thuế đầu ra (5%) thấp hơn đầu vào (10%) và NSNN sẽ không tăng do phải bù trừ giữa tăng thu từ khâu nhập khẩu với việc hoàn thuế cho sản xuất trong nước[[12]](#footnote-12). Các doanh nghiệp sản xuất trong nước có dư địa để giảm giá bán nếu giá phân bón và các nguyên liệu đầu vào trên thị trường quốc tế không thay đổi. Ngoài ra, **giá bán** thực tế trên thị trường trong nước còn phụ thuộc vào giá phân bón thế giới - hiện đang trong xu thế giảm dần do nguồn cung của thế giới đã dần phục hồi. Với thực tế này, có thể thấy tác động của việc điều chỉnh thuế GTGT đến khả năng tăng giá phân bón trên thị trường trong nước là không lớn[[13]](#footnote-13). Hơn nữa, phân bón là sản phẩm bình ổn giá nên trong trường hợp cần thiết, khi có biến động lớn về giá trên thị trường thì các cơ quan quản lý nhà nước có thể thực hiện các biện pháp quản lý như kiểm tra các yếu tố hình thành giá, kiểm soát hàng tồn kho và các biện pháp tài chính tiền tệ khác,... để có thể xử lý một cách phù hợp, bảo đảm giá phân bón được bình ổn ở mức hợp lý.

Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp,sự bất cập trong chính sách thuế GTGT hiện hành cũng cần được xử lý vì với quy định hiện hành, các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tàu đánh bắt xa bờ không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả hoạt động đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất) mà phải tính vào chi phí sản phẩm, làm tăng giá thành, giảm lợi nhuận, gây bất lợi trong cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu cùng loại. Do vậy, cần chuyển máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ sang đối tượng chịu thuế 5% để bảo đảm lĩnh vực sản xuất này cũng được đối xử công bằng, bình đẳng như tất cả các lĩnh vực sản xuất khác và không bị bất lợi trong cạnh tranh với hàng nhập khẩu, hỗ trợ tốt hơn cho sản xuất nông nghiệp.

Do đó, để xử lý những bất cập trong chính sách đối với ngành sản xuất phân bón và máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp, đề nghị đưa các nhóm ngành hàng này quay lại diện chịu thuế GTGT 5% như trước đây để bảo đảm bình đẳng trong đối xử về thuế GTGT như tất cả các ngành sản xuất khác trong nước. Đồng thời, đề nghị các cơ quan liên quan của Chính phủ bảo đảm thực hiện các biện pháp quản lý bình ổn giá đối với phân bón trong trường hợp có biến động lớn về giá trên thị trường trong nước, ngăn chặn các trường hợp trục lợi, làm ảnh hưởng đến nông dân.

Với các ý kiến còn khác nhau giữa 2 quan điểm và sự bất cập về mặt số liệu đánh giá tác động của chính sách về khả năng tăng thu NSNN và mức độ tác động thực tế đến mặt bằng giá trên thị trường trong nước, tại phiên họp chuyên đề pháp luật T8/2024, UBTVQH đã *“giao Chính phủ bổ sung số liệu giải trình đầy đủ, thuyết phục, phân tích rõ các tác động về giá đối với phân bón trong trường hợp áp dụng thuế suất 5%, phục vụ việc lấy ý kiến tại Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và báo cáo UBTVQH, trình Quốc hội xem xét, quyết định”*.

Trên cơ sở ý kiến của các vị ĐBQH chuyên trách, Thường trực Ủy ban TCNS sẽ tiếp tục phối hợp với Cơ quan soạn thảo để tiếp thu, chỉnh lý và thể hiện cụ thể nội dung này trong dự thảo Luật.

***2.3. Về định hướng tăng mức thuế suất phổ thông 10%***

*Có ý kiến cho rằng các nội dung sửa đổi mới trong dự án Luật là tương đối hạn chế và không đạt được mục tiêu mở rộng cơ sở thu, vì vậy, đề nghị thực hiện đúng Chiến lược cải cách thuế trong việc thực hiện tăng thuế suất theo lộ trình. Tuy nhiên, có ý kiến đề nghị không quy định lộ trình tăng thuế suất vì có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.*

Về nội dung này, Chiến lược cải cách thuế đến năm 2030, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trong Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ nghiên cứu *tăng thuế suất thuế GTGT theo lộ trình*. Trên thực tế, mức thuế suất phổ thông 10% của Việt Nam là tương đối thấp so với các nước trong khu vực và thế giới, có dư địa để tăng thuế như nhiều nước đã làm trong thời gian qua để nâng cao hiệu quả thu ngân sách từ sau đại dịch. Kinh nghiệm quốc tế tốt và xu thế trong xây dựng chính sách tài khoá là tăng thuế gián thu đánh vào tiêu dùng (như thuế GTGT) một cách hợp lý để có điều kiện giảm thuế trực thu đánh vào đầu tư (như thuế thu nhập doanh nghiệp), góp phần giải quyết bài toán về số thu ngân sách; đồng thời, khuyến khích đầu tư cho tăng trưởng, nhất là trong bối cảnh hiện nay sẽ rất khó có thể ban hành những sắc thuế mới như thuế tài sản. Việc sửa thuế GTGT lần này là cơ hội để có thể thực hiện mục tiêu đã được đặt ra qua nhiều giai đoạn và là nội dung cơ bản để có thể thực hiện định hướng mở rộng cơ sở thu. Tuy nhiên, để Chính phủ có thể chủ động trong việc nghiên cứu, đề xuất cụ thể về mức độ tăng thuế suất và thời điểm thực hiện tăng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn tới, tại phiên họp chuyên đề pháp luật T8/2024, UBTVQH đã kết luận *“trong Luật không quy định lộ trình tăng thuế cụ thể; bổ sung vào dự thảo Luật nội dung giao Chính phủ nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét, quyết định”*.

Tiếp thu ý kiến UBTVQH, đa số ý kiến trong Thường trực Uỷ ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật theo hướng: Giao Chính phủ nghiên cứu trình Quốc hội xem xét, quyết định mức độ điều chỉnh tăng thuế suất thuế GTGT và thời điểm thực hiện để mở rộng cơ sở thuế, phù hợp với xu thế chung của khu vực và quốc tế (thể hiện tại khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật).

**3. Về phương pháp tính và cách thu thuế đối với các nhà cung cấp nước ngoài trên cơ sở nền tảng số (Điều 12)**

Dự thảo Luật quy định theo hướng các nhà cung cấp nước ngoài khi cung cấp dịch vụ vào Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số được áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp với mức thuế suất là 5%, tương tự như các nhà thầu nước ngoài[[14]](#footnote-14).

*Có ý kiến đề nghị các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam khi cung cấp dịch vụ cho người tiêu dùng tại Việt nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số không được áp dụng phương pháp trực tiếp với mức thuế suất 5% mà cần áp dụng mức thuế suất phổ thông 10%, để bảo đảm phù hợp thông lệ quốc tế, bảo vệ nguồn thu và tránh phân biệt đối xử một cách bất lợi cho các nhà cung cấp trong nước. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, nếu áp dụng thuế suất phổ thông 10% thì nhà cung cấp nước ngoài phải thực hiện theo phương pháp khấu trừ và người mua dịch vụ là tổ chức tại Việt Nam được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.*

- Về phương pháp tính thuế, Thường trực Ủy ban TCNS xin báo cáo như sau: Về nguyên tắc, tương tự như hàng hoá khi nhập khẩu vào Việt Nam chịu mức thuế suất phổ thông 10% (hoặc 5% tuỳ theo mặt hàng) trên trị giá nhập khẩu, dịch vụ khi nhập khẩu vào Việt Nam cũng sẽ phải chịu mức thuế suất phổ thông 10% tính trên giá nhập khẩu; ở khâu nhập khẩu không đặt ra vấn đề nhà xuất khẩu nước ngoài (bao gồm cả nhà xuất khẩu hàng hàng hoá và nhà xuất khẩu dịch vụ) sẽ áp dụng phương pháp nào để tính toán nghĩa vụ thuế GTGT; các phương pháp tính thuế (khấu trừ thuế đầu ra với thuế đầu vào hoặc trực tiếp trên doanh thu) đều chỉ để áp dụng cho các đối tượng nộp thuế trong nước. Dự thảo Luật (trên cơ sở Thông tư số 80/2021/TT-BTC) đã lấy phương pháp tính thuế trực tiếp hiện đang áp dụng với các nhà thầu (với mức thuế suất thuế 5% trên doanh thu) để áp dụng cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài trên nền tảng số (là nhà xuất khẩu không có hiện diện tại Việt Nam) là chưa vững về cơ sở pháp lý và không phù hợp bản chất và thông lệ quốc tế. Trong khi đây là dịch vụ nhập khẩu vào Việt Nam, việc áp mức thuế suất thấp hơn thuế suất phổ thông 10% sẽ dẫn đến hụt thu, gây ra sự phân biệt đối xử bất lợi cho các doanh nghiệp trong nước cung cấp các dịch vụ tương tự. Hiện không có quốc gia nào khác trên thế giới áp dụng mức thuế suất thấp hơn thuế suất tiêu chuẩn đối với các giao dịch qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số[[15]](#footnote-15).

Về nội dung này, tại phiên họp chuyên đề pháp luật T8/2024, UBTVQH đã kết luận theo hướng *“phương pháp tính thuế đối với các nhà cung cấp nước ngoài trên cơ sở nền tảng số, cần bảo đảm phù hợp với bản chất, thông lệ quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, không gây ra sự phân biệt đối xử bất lợi cho doanh nghiệp trong nước cung cấp các dịch vụ tương tự”*.

Hiện Cơ quan soạn thảo vẫn đề nghị giữ như dự thảo Luật đã trình tại Kỳ họp thứ 7, theo đó trên thực tế sẽ giữ nguyên cơ sở pháp lý hiện hành (là Thông tư số 80/2021/TT-BTC) để áp mức thuế 5% đối với các dịch vụ do nhà cung cấp nước ngoài bán vào Việt Nam qua kênh thương mại điện tử, mặc dù nội dung này không được quy định cụ thể tại Điều 9 về thuế suất. Cơ quan soạn thảo cho rằng, nội dung này chưa được đánh giá kỹ và lo ngại ý kiến trái chiều của nhà cung cấp nước ngoài khi áp dụng mức thuế 10% sẽ làm tăng gấp 2 lần số thuế GTGT phải nộp của các nhà cung cấp nước ngoài và tăng giá dịch vụ đối với người tiêu dùng tại Việt Nam.

Với những bất cập trên thực tế hiện nay của Thông tư 80/2021/TT-BTC, Thường trực Uỷ ban TCNS tiếp tục đề nghị quy định rõ việc không áp dụng phương pháp trực tiếp đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài bán dịch vụ vào Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số và các dịch vụ này khi bán vào Việt Nam sẽ áp dụng mức thuế suất phổ thông 10% (thể hiện tại điểm a khoản 2 Điều 12 và khoản 3 Điều 9 dự thảo Luật) như ý kiến kết luận của UBTVQH, bảo đảm thu đúng bản chất, giữ được nguồn thu cho ngân sách theo thông lệ quốc tế, không phân biệt đối xử bất lợi cho nhà cung cấp dịch vụ trong nước.

- Về cách thu thuế GTGT đối với các giao dịch thương mại điện tử, Thường trực Uỷ ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất tiếp thu ý kiến ĐBQH để chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng hoàn thiện các quy định về người nộp thuế và cách thu thuế, để bảo đảm cơ sở pháp lý, sự rõ ràng trong thực hiện và đáp ứng nhu cầu quản lý, cụ thể: Phân tách rõ ràng giữa người nộp thuế là nhà thầu nước ngoài (thể hiện tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Luật) và người nộp thuế trong các giao dịch thương mại điện tử (thể hiện tại khoản 4 Điều 4), cụ thể bao gồm: (1) *các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài* có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dự trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; (2) *tổ chức là nhà quản lý nền tảng số nước ngoài* thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế của những nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài nhỏ không thực hiện tự kê khai nộp thuế với cơ quan quản lý thuế Việt Nam; (3) *tổ chức kinh doanh trong nước (áp dụng phương pháp khấu trừ thuế) mua dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số* thực hiện nộp thay nghĩa vụ thuếcủa các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài (và sẽ được khấu trừ đối với số thuế GTGT đã nộp) và giao Chính phủ quy định chi tiết về người nộp thuế trong trường hợp người mua là tổ chức kinh doanh trong nước để bảo đảm thống nhất, rõ ràng trong thực hiện và đáp ứng nhu cầu quản lý. Đồng thời, bổ sung thêm khoản 5 quy định về người nộp thuế là *các tổ chức quản lý* *các sản giao dịch thương mại điện tử* có chức năng thanh toán sẽ kê khai, nộp thuế thay các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên sàn. Ngoài ra, khoản 2 Điều 14 về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào cũng được chỉnh lý tương ứng theo hướng các tổ chức kinh doanh trong nước (thuộc đối tượng áp dụng phương pháp khấu trừ) cũng sẽ được khấu trừ thuế đầu vào đối với các dịch vụ mua của nhà cung cấp nước ngoài khi các đối tượng này thực hiện nộp thay nghĩa vụ thuế cho nhà cung cấp nước ngoài.

Đây là những nội dung được bổ sung để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thu NSNN đối với lĩnh vực thương mại điện tử, thể hiện sự rõ ràng và bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện.

**4. Về các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 13)**

*Một số ý kiến đề nghị cân nhắc sự phù hợp của việc bổ sung Điều 13 vì đây là nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý thuế.*

Về nội dung này, hiện có 2 luồng quan điểm, cụ thể như sau:

***Quan điểm thứ nhất*** cho rằng, pháp luật về quản lý thuế đã quy định về các hành vi bị cấm trong quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ và trong quản lý thuế. Do đó, để bảo đảm tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật, phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật, đề nghị bỏ nội dung quy định về các hành vi bị nghiêm cấm trong dự thảo Luật để chuyển sang quy định tại Luật Quản lý thuế (đang dự kiến được sửa đổi trong một luật sửa nhiều luật).

***Quan điểm thứ hai*** cho rằng, pháp luật về quản lý thuế đã có quy định về hành vi bị cấm trong lĩnh vực hoá đơn, chứng từ và quản lý thuế. Tuy nhiên, để tăng cường cơ sở pháp lý trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT, quản lý thu thuế GTGT và góp phần hạn chế gian lận trong khấu trừ, hoàn thuế, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, đề nghị cho giữ nội dung này và chỉnh lý lại tên điều là về “*Các hành vi bị cấm trong* ***khấu trừ, hoàn thuế****”*; loại bỏ một số nội dung đã được quy định tại Luật Quản lý thuế và một số nội dung không phù hợp khác, đồng thời, chỉnh lý lại câu chữ để hoàn thiện dự thảo Luật.

Đa số ý kiến trong Thường trực Uỷ ban TCNS nhất trí với **quan điểm thứ nhất**. Cơ quan soạn thảo đề nghị tiếp thu theo **quan điểm thứ hai**.

**5. Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào (Điều 14)**

*Có ý kiến đề nghị không cho phép bổ sung hồ sơ thuế đối với doanh nghiệp kê khai sai, sót khi đã có quyết định thanh tra, kiểm tra thuế; đề nghị giữ nguyên quy định hiện hành đối với trường hợp doanh nghiệp kê khai sai, trong đó có trường hợp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để tăng số thuế khấu trừ, hoàn thuế.*

Về nội dung này, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất tiếp thu như sau: Việc khai sai, sót thuế GTGT đầu vào có thể do bỏ sót hóa đơn hoặc khi làm tờ khai thuế GTGT người nộp thuế đã khai sai thừa hoặc thiếu thuế GTGT đầu vào, do đó, để bao quát các trường hợp, dự thảo Luật đã được chỉnh lý để không quy định đối với hóa đơn, chứng từ sai, sót mà quy định chung cho trường hợp số thuế GTGT đầu vào khi kê khai bị sai, sót thì được khai bổ sung trước khi có quyết định thanh tra, kiểm tra thuế; đồng thời, hoàn thiện dự thảo Luật để quy định rõ trường hợp nào phải thực hiện kê khai vào kỳ tính thuế phát sinh thuế GTGT đầu vào bị sai, sót và trường hợp nào thì phải thực hiện kê khai vào kỳ tính thuế phát hiện hiện sai, sót. Nội dung sửa đổi thể hiện cụ thể tại điểm đ khoản 1 Điều 14 dự thảo Luật.

**6. Các trường hợp hoàn thuế (Điều 15)**

*(1) Có ý kiến đề nghị cân nhắc lại sự cần thiết của việc bổ sung quy định cho phép hoàn thuế đối với các trường hợp hàng hoá nhập khẩu để xuất khẩu.*

Luật hiện hành quy định không hoàn thuế đối với trường hợp: *“hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan”* để phòng tránh các trường hợp gian lận. Đối với trường hợp hàng hoá không thực hiện xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan trên thực tế sẽ không thể mở tờ khai hải quan, theo đó sẽ không đáp ứng điều kiện để được hoàn thuế; quy định này là không cần thiết trên thực tế, vì vậy, Thường trực Uỷ ban TCNS đề nghị bỏ nội dung này ra khỏi dự thảo Luật. Tuy nhiên, có ý kiến còn băn khoăn đối với trường hợp *“hàng hoá đã nhập khẩu sau đó làm thủ tục xuất khẩu sang nước khác”* vì có khả năng xảy ra gian lận hoàn thuế ở khâu thương mại khó có thể kiểm soát. Tại phiên họp chuyên đề pháp luật T8/2024, đối với nội dung này, UBTVQH đã kết luận theo hướng *“đề nghị Cơ quan soạn thảo đánh giá kỹ tác động của nội dung sửa đổi, tránh khả năng dẫn đến gian lận đối với các trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó làm thủ tục xuất khẩu sang nước khác”*.

Tiếp thu ý kiến của UBTVQH, Cơ quan soạn thảo đã bổ sung nội dung giải trình, báo cáo liên quan đến quy định cho phép hoàn thuế đối với các trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu[[16]](#footnote-16). Trên cơ sở ý kiến giải trình của Cơ quan soạn thảo, Thường trực Ủy ban TCNS thống nhất với Cơ quan soạn thảo về việc cho phép hoàn thuế đối với *“hàng hoá đã nhập khẩu sau đó làm thủ tục xuất khẩu sang nước khác”* để bao quát các trường hợp phát sinh trong thực tiễn. Tuy nhiên, đề nghị các cơ quan quản lý thuế và hải quan lưu ý trong tổ chức thực hiện để bảo đảm không xảy ra các trường hợp lợi dụng chính sách. Theo đó, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã thống nhất chỉnh lý dự thảo Luật tại khoản 1 điều 15 để không thể hiện việc loại trừ các trường hợp này ra khỏi phạm vi được hoàn thuế đối với xuất khẩu.

*(2) Về hoàn thuế đối với đầu tư, có ý kiến đề nghị cần cân nhắc kỹ, không mở rộng diện hoàn thuế so với quy định tại Luật hiện hành, đặc biệt là đối với trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký.*

Luật hiện hành không cho phép hoàn thuế đối với trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký, dự thảo Luật đã bổ sung trường hợp này cũng được hoàn thuế. Tiếp thu ý kiến ĐBQH, Thường trực Uỷ ban TCNS đã tiến hành rà soát các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp[[17]](#footnote-17) và thấy rằng cần giữ như quy định hiện hành để bảo đảm sự chặt chẽ và đồng bộ trong thực thi các quy định của pháp luật. Nội dung này đã được UBTVQH kết luận theo hướng *“đối với trường hợp cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ đã đăng ký, đề nghị giữ như quy định hiện hành, chưa cho phép hoàn thuế mà kết chuyển vào kỳ tiếp theo”.*

Tiếp thu ý kiến của UBTVQH, Thường trực Uỷ ban TCNS và Cơ quan soạn thảo thống nhất chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật theo hướng giữ như quy định hiện hành, theo đó bổ sung lại nội dung chưa cho phép hoàn thuế (mà kết chuyển vào kỳ tiếp theo) đối với trường hợp cơ sở kinh doanh *“không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký”.*

*(3) Có ý kiến cho rằng các nội dung thể hiện về trách nhiệm của người nộp thuế, cơ quan thuế và cán bộ thuế không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật thuế GTGT (quy định tại Điều 1) mà thuộc phạm vi về quản lý thuế, vì vậy đề nghị không quy định trong dự thảo Luật. Có ý kiến cho rằng, nội dung quy định công chức thuế chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi hồ sơ, tài liệu của người nộp thuế cung cấp trong từng lần hoàn thuế là chưa thật sự phù hợp, có thể làm mất hiệu lực trong công tác phòng, chống gian lận hóa đơn của thanh tra, điều tra, kiểm toán đã thực hiện trong thời gian qua.*

Về nội dung này, có 2 luồng quan điểm:

***Quan điểm thứ nhất*** cho rằng, hiện đang dự kiến sửa một số nội dung của Luật Quản lý thuế (trong một luật sửa nhiều luật), vì vậy, tiếp thu ý kiến ĐBQH, đề nghị chuyển các nội dung quy định về trách nhiệm người nộp thuế, cán bộ thuế (tại điểm b khoản 10) sang Luật Quản lý thuế và chỉnh lý điểm a khoản 10 Điều 15 dự thảo Luật như sau: *“a) Người nộp thuế thuộc trường hợp hoàn thuế GTGT, có số thuế GTGT đầu vào đáp ứng đầy đủ điều kiện hoàn thuế theo quy định tại Điều này và tuân thủ các quy định về khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, lập hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với từng trường hợp hoàn thuế GTGT và gửi đến cơ quan thuế có thẩm quyền tiếp nhận, phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT thuộc diện hoàn thuế trước hoặc kiểm tra trước hoàn thuế và giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT theo quy định của pháp luật về quản lý thuế* (thể hiện tại **Phương án 1** trong dự thảo Luật).

***Quan điểm thứ hai*** đề nghị giữ quy định về trách nhiệm của người nộp thuế đồng thời, tiếp thu ý kiến ĐBQH để hoàn chỉnh lại nội dung về trách nhiệm của Cơ quan thuế và công chức thuế để bảo đảm chặt chẽ trong quản lý hoàn thuế GTGT, thể hiện tại điểm b khoản 10 Điều 15 như sau: *“Cơ quan thuế có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, có trách nhiệm* ***áp dụng quản lý rủi ro trong hoàn thuế GTGT****,* ***ban hành các quy trình nội bộ, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để*** *tiếp nhận, phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT thuộc diện hoàn thuế trước hoặc kiểm tra trước hoàn thuế và giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Công chức thuế chịu trách nhiệm hoàn thuế theo đúng* ***chức trách, nhiệm vụ, tuân thủ*** *quy định của pháp luật về thuế GTGT, pháp luật về quản lý thuế và trong phạm vi hồ sơ, tài liệu của người nộp thuế cung cấp,* ***văn bản thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*** *cung cấp* ***có liên quan đến giải quyết hồ sơ hoàn thuế”***(thể hiện tại **Phương án 2** trong dự thảo Luật).

Đa số ý kiến trong Thường trực Uỷ ban TCNS nhất trí với **quan điểm thứ nhất**. Cơ quan soạn thảo đề nghị tiếp thu theo **quan điểm thứ hai**.

**7. Về một số nội dung khác**

Ngoài các nội dung lớn nêu trên, Thường trực Ủy ban TCNS và Cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng để tiếp thu tối đa ý kiến của các vị ĐBQH liên quan đến các nội dung cụ thể khác và chỉnh lý về kỹ thuật lập pháp đối với nội dung dự thảo Luật, đồng thời xây dựng dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự án Luật. Các nội dung tiếp thu, chỉnh lý cụ thể xin được thể hiện trong nội dung dự thảo Luật ***(xin gửi kèm trong hồ sơ trình Hội nghị ĐBQH hoạt động chuyên trách bản so sánh dự thảo Luật trình tại Kỳ họp thứ 7 và dự thảo Luật đã được tiếp thu, chỉnh lý)***. Trên cơ sở ý kiến của các vị ĐBQH tại Hội nghị chuyên trách đối với các nội dung của dự thảo Luật, đặc biệt là đối với những nội dung còn có các quan điểm khác nhau, Thường trực Ủy ban TCNS sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Cơ quan chủ trì soạn thảo, Thường trực Ủy ban Pháp luật và các cơ quan liên quan để rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật gửi xin ý kiến các Đoàn ĐBQH và các cơ quan theo quy định.

*Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:*

(1) Dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật.

(2) Dự thảo Luật đã được tiếp thu, chỉnh lý.

(3) Bản ngang so sánh Luật Thuế GTGT hiện hành, dự thảo Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 và dự thảo Luật đã được tiếp thu, chỉnh lý.

(4) Báo cáo tổng hợp ý kiến ĐBQH thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự thảo Luật Thuế GTGT (sửa đổi).

(5) Kết luận phiên họp chuyên đề pháp luật (T8/2024) của UBTVQH về giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thuế GTGT (sửa đổi).

Trên đây là Báo cáo một số vấn đề lớn trong giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Thường trực Ủy ban Tài chính, Ngân sách trân trọng báo cáo các vị đại biểu Quốc hội xem xét, cho ý kiến.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - TT UBTCNS;  - Lãnh đạo Vụ TCNS;  - L­ưu: HC, TCNS.  - Số E-pas: 76101 | **TM. ỦY BAN TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH**  **CHỦ NHIỆM**  *(đã ký)*  **Lê Quang Mạnh** |

1. Báo cáo số 2314/BC-UBTCNS15 ngày 13/8/2024 của Thường trực Ủy ban TCNS kèm theo các tài liệu liên quan đến nội dung tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thông báo kết luận số 4157/TB-TTKQH ngày 19/8/2024 của Tổng Thư ký Quốc hội đã *“đề nghị Cơ quan soạn thảo phối hợp chặt chẽ với Cơ quan thẩm tra và có ý kiến chính thức đối với các nội dung giải trình, tiếp thu, gửi Cơ quan thẩm tra trước ngày 20/8/2024 để thống nhất các phương án, trình xin ý kiến tại Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách”*. [↑](#footnote-ref-2)
3. Tại các cuộc làm việc này, Cơ quan soạn thảo đã nêu quan điểm theo nội dung thể hiện tại Phụ lục kèm theo Công văn số 8738/BTC-CST ngày 19/8/2024 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, đây là Công văn Bộ Tài chính gửi Chính phủ để xin ý kiến, không phải là văn bản chính thức của Cơ quan soạn thảo gửi Cơ quan thẩm tra để thống nhất phương án giải trình, tiếp thu. [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 1 Điều 5 dự thảo Luật quy định: *Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thuỷ sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường khi bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì không phải tính, nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào”*. [↑](#footnote-ref-4)
5. Khoản 2 Điều 55 Hiến pháp. [↑](#footnote-ref-5)
6. Trên thực tế, hàng ngày có khoảng 4-5 triệu đơn hàng giá trị nhỏ được vận chuyển từ Trung Quốc về Việt Nam qua các sàn thương mại điện tử và trung bình có 45-63 triệu USD hàng giá trị nhỏ đã không được thu thuế nhập khẩu và thuế GTGT. [↑](#footnote-ref-6)
7. Một số Cục thuế đã báo cáo các vướng mắc trên thực tế và đề nghị bỏ quy định này khi Uỷ ban TCNS thực hiện giám sát chuyên đề về hoàn thuế GTGT. [↑](#footnote-ref-7)
8. Dự án Luật 71/2014/QH13 ban đầu dự kiến chuyển phân bón từ nhóm chịu thuế suất 5% sang nhóm các sản phẩm không chịu thuế GTGT nhưng vẫn cho phép khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Tuy nhiên dự thảo theo hướng này đã không được thông qua đối với nội dung cho phép khấu trừ thuế GTGT đầu vào vì không bảo đảm đúng nguyên tắc của thuế GTGT là chỉ được khấu trừ đầu vào khi đầu ra là sản phẩm thuộc diện chịu thuế. [↑](#footnote-ref-8)
9. Theo Báo cáo của Hiệp hội phân bón, sau khi Luật 71/2014 được ban hành, giá thành phân đạm trong nước tăng 7,2 - 7,6%; phân DAP tăng 7,3 - 7,8%, phân supe lân tăng 6,5 - 6,8%; phân NPK và hữu cơ tăng 5,2 - 6,1%. [↑](#footnote-ref-9)
10. Như dự án sản xuất 1.760 tấn đạm/ngày (Đạm Ninh Bình), dự án cải tạo mở rộng nhà máy Đạm Hà Bắc, Dự án sản xuất DAP Lào Cai của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, 02 dự án đạm của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia... [↑](#footnote-ref-10)
11. Giá nhập khẩu bình quân giảm mạnh, cụ thể: phân đạm urê giảm 27%, phân DAP giảm 15% và phân NPK giảm 21% . Một số thời điểm, các đơn vị thuộc Tập đoàn buộc phải dừng sản xuất khi giá bán phân bón thấp hơn chi phí biến đổi sản phẩm. Cụ thể trong giai đoạn 2015-2020, các đơn vị sản xuất phân bón thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, gồm:

    - 4 đơn vị sản xuất phân bón thuộc Đề án 1468: (i) Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế tăng trưởng âm là -3,6%; (ii) Doanh thu tăng trưởng âm là -2,4%; (iii) Lỗ tăng với mức bình quân 37,7%/ năm;

    - 6 đơn vị sản xuất phân bón không thuộc Đề án 1468: (i) Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế tăng trưởng âm là 5,8%; (ii) Doanh thu tăng trưởng âm là 6,2%; (iii) Lợi nhuận tăng trưởng âm là 22,8%. [↑](#footnote-ref-11)
12. Theo Báo cáo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, nếu áp dụng thuế suất thuế GTGT 5% thì dự kiến số thuế đầu ra trừ thuế đầu vào của các đơn vị sản xuất phân bón trong Tập đoàn sẽ chênh lệch âm là (433,196) tỷ đồng, tức là sẽ được hoàn thuế GTGT. [↑](#footnote-ref-12)
13. Theo Báo cáo của Tập đoàn hoá chất Việt Nam, với quy định áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 5%, Tập đoàn có thể giảm giá các mặt hàng phân đạm urê khoảng 2%; phân DAP khoảng 1-2,5%; phân supe lân khoảng 2-2,5%; phân lân nung chảy khoảng 1-2,5%; Phân NPK sẽ giảm trên cơ sở giảm giá các loại phân bón gốc là đạm, lân và kaly.

    Theo Báo cáo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các đơn vị sản xuất phân bón thuộc Tập đoàn cam kết sẽ giảm giá phân bón tương ứng với phần chi phí sản xuất giảm được do được khấu trừ thuế GTGT. [↑](#footnote-ref-13)
14. Khi áp dụng chế độ thuế GTGT cần xem xét đến sự khác biệt giữa 2 đối tượng là:

    ***- Nhà thầu nước ngoài*** *là “tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư, thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định” (quy định tại Điều 8 Nghị định 209/2013/NĐ-CP).* Về cơ bản, các nhà thầu nước ngoài này có hiện diện tại Việt Nam, thực hiện kinh doanh tại Việt Nam và có chi phí đầu vào làm phát sinh thuế GTGT đầu vào nhưng không thực hiện đầy đủ chế độ kế toán để áp dụng phương pháp khấu trừ, vì vậy được áp dụng phương pháp trực tiếp.

    ***- Nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài*** trên kênh thương mại điện tử và các nền tảng số: Là các tổ chức, cá nhân không có hiện diện tại Việt Nam, không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, không có chi phí đầu vào tại Việt Nam và không phát sinh thuế GTGT đầu vào; về bản chất, các nhà cung cấp nước ngoài này là người xuất khẩu hàng hoá hoặc dịch vụ vào Việt Nam. [↑](#footnote-ref-14)
15. Kinh nghiệm thế giới cho thấy các nước đều áp dụng bình đẳng một mức thuế suất GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ cung cấp bởi các doanh nghiệp trong nước cũng như các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú qua kênh thương mại điện tử và nền tảng số, cụ thể:

    - Từ 1/7/2017, Úc áp dụng mức thuế GST 10% đối với các dịch vụ số do các nhà cung cấp không có cơ sở thường trú thực hiện. Mức thuế 10% này tương tự mức thuế GST đối với đại đa số các hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong nước.

    - Từ 1/1/2020, Malaysia áp dụng mức thuế GST 6% đối với các dịch vụ kỹ thuật số nhập khẩu, tương tự như mức thuế GST đối với hàng hóa, dịch vụ trong nước;

    - Từ 1/7/2020, Indonesia yêu cầu các nhà cung cấp không có cơ sở thường trú thu thuế GTGT đối với hàng hóa vô hình và dịch vụ số theo mức thuế suất GTGT tiêu chuẩn 10%;

    - Các nhà cung cấp ở nước ngoài cho EU trả thuế GTGT tiêu chuẩn dựa trên thuế suất áp dụng tại quốc gia tiêu thụ đối với loại hàng hóa và dịch vụ được cung cấp (đã áp dụng nhiều năm). [↑](#footnote-ref-15)
16. Phụ lục kèm theo Công văn số 8738/BTC-CST ngày 19/8/2024 về nội dung giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thuế GTGT (sửa đổi). [↑](#footnote-ref-16)
17. Điều 47 Luật Doanh nghiệp quy định:

    *"1. Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đăng kỳ thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp của các thành viên cam iết góp và ghi trong Điều lệ công ty.*

    *2. Thành viên phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, .... Trong thời gian này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết..."* [↑](#footnote-ref-17)